

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 24-7-2017

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Nguyễn Ngọc Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 24 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 222/2017/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 210/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Ngọc B, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp KHV, xã QP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Võ Thành T, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp KHV, xã QP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Ngọc B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2000, chị và anh T chung sống với nhau, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn.

- Nguyên nhân mâu thuẫn: Trong thời gian chung sống, chị và anh T bất đồng quan điểm, xung đột, mâu thuẫn do anh T không lo làm ăn, mà chỉ chơi bời lêu lổng,

đánh bài, đánh số, nhậu về chuối và hành hạ chị, có lần anh T đánh chị phải đi cấp cứu. Trong thời gian này, anh T được gia đình và chính quyền địa phương giáo dục nhiều lần, phân tích đúng sai thì anh T có hứa sửa chữa, nhưng anh T không sửa chữa mà vẫn tiếp tục chơi bời, cờ bạc, đánh số, thậm chí anh T còn bỏ nhà đi 05 ngày đến 07 ngày mới về một lần và anh T có nói khi nào có con sẽ bỏ tất cả. Vì vậy, năm 2007 chị sinh một người con, nhưng không ngờ sau khi chị sinh con hoàn cảnh chị lại vô cùng khó khăn, vất vả. Lúc này anh T kêu chị đưa đồ nữ trang để cầm cố lấy tiền làm ăn, nhưng anh T không đi làm ăn mà tiếp tục đi đánh bài, đánh số bỏ mặc mẹ con chị đói khát, vất vả nên chị phải nhờ bà con láng giềng giúp đỡ. Đến năm 2009, anh T đi Sài Gòn làm một mình mà không có tiền dư, thậm chí còn nợ nần nên chị bồng con đi theo lên Sài Gòn cùng với anh T để đi làm mướn.

Khi lên Sài Gòn, anh T thấy chị có tiền nên kêu chị lấy tiền mua 01 chiếc xe Future Neo với giá 22.000.000đ để làm phương tiện đi lại. Nhưng sau khi mua xe xong, anh T lấy xe đi đánh số, đánh bài thua hết tiền rồi cầm xe, sau đó bán luôn. Chị thấy tình cảnh anh T như vậy và lại ở phương xa nên chị bồng con về quê được chị em giúp đỡ làm ăn, hiu hút nuôi con sống qua ngày. Kể từ đó, chị quyết định sống ly thân với anh T. Cuối năm 2009, khi chị về quê sinh sống thì anh T thỉnh thoảng 05 tháng đến 10 tháng mới về một lần, thậm chí cả năm, nhưng lần nào về cũng nhậu rồi kiếm chuyện chuối chị vài ba ngày rồi lại tiếp tục bỏ nhà ra đi.

Đến năm 2015, anh T về mời bà con láng giềng, chính quyền địa phương lại chứng kiến để viết đơn xin ly hôn với chị (ngày 06/4/2015), có chị Trịnh Tú L là Chi Hội phụ nữ ấp ký tên. Sau đó, anh T đi Sài Gòn làm mướn cho đến nay.

Với những việc làm của anh T và mâu thuẫn vợ chồng như nêu trên. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- *Về nuôi con chung*: Trong thời gian chung sống, chị và anh T có 01 người con chung tên Võ Như T, sinh ngày 28/10/2007, hiện tại cháu T đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ người khác và người khác nợ lại: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin từ chối tham gia tố tụng ngày 09/7/2017, bị đơn anh Võ Thành T trình bày: Anh Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của chị B, anh không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Vụ kiện giữa nguyên đơn chị Huỳnh Ngọc B, bị đơn anh Võ Thành T là vụ kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về tố tụng:* Ngày 09/7/2017, anh Võ Thành T có đơn xin từ chối tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của chị B về hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng:* Vào năm 2000, chị B và anh T chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Như vậy, theo điểm a mục 3 của Nghị Quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình và theo quy định của Luật hôn nhân và Gia đình thì mối quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh T không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do đó, chị B và anh T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4] *Xét yêu cầu của chị B về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy:* Tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì cháu T đã gần được 10 tuổi, hiện cháu đang sống chung với chị B. Khi ly hôn, chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T. Tại đơn xin từ chối tham gia tố tụng ngày 09/7/2017, anh T đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị B về nuôi con chung. *Thấy rằng:* Tại phiên tòa chị B thừa nhận, cháu T hiện đang sống với chị ổn định, có điều kiện phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và tâm sinh lý. Đồng thời, cháu T cũng được chị cho đi học như bao trẻ em khác cùng trang lứa. Mặt khác, theo biên bản ghi nguyện vọng của cháu Võ Ngọc T ngày 24/7/2017 thì cháu T có nguyện vọng “*Nếu Tòa án giải quyết cho cha mẹ cháu ly hôn với nhau thì nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với mẹ*”. Do đó, để tránh thay đổi về môi trường sống, cũng như tâm sinh lý của cháu T nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị B về nuôi con chung.

[5] *Xét về cấp dưỡng, chia tài sản và nợ:* Đối với vấn đề cấp dưỡng, tại đơn khởi kiện, cũng như tại phiên tòa chị B không yêu cầu. Còn chia tài sản và nợ, chị B xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, việc này anh T đồng ý. *Xét thấy,* đây là quyền định đoạt của chị B và anh T nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên, nếu sau này giữa chị B và anh

T có phát sinh tranh chấp về vấn đề cấp dưỡng, chia tài sản và nợ mà không tự thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[6] *Về án phí hôn nhân và gia đình:*

- Anh T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Chị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; Điều 6; Điều 7; Điều 35; Điều 91; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 14; Điều 15; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Ngọc B.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận chị Huỳnh Ngọc B và anh Võ Thành T là vợ chồng.

2. *Về nuôi con chung:* Giao cháu Võ Như T, sinh ngày 28/10/2007 cho chị Huỳnh Ngọc B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Võ Thành T không phải cấp dưỡng nuôi cháu Võ Như T.

Anh Võ Thành T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:*

- Anh Võ Thành T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm;

- Chị Huỳnh Ngọc B phải chịu 300.000đ, ngày 12/6/2017 chị B có nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ, biên lai số 0008901 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu.

4. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

5. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trương Minh Thịnh